

Số:

Đồng Nai, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định Hồ sơ kỹ thuật lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030.

GIÁM ĐỐC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN – VĂN HÓA ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai;

- Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hoá Đồng Nai, giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, giai đoạn năm 2021 – 2030;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021-2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định Hồ sơ kỹ thuật lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030.

Quy định gồm 02 chương, 05 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban Ban chỉ đạo tổ chức thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030; Giám đốc Trung tâm Sinh thái - Văn hoá - Lịch sử Chiến khu Đ; Trưởng các phòng ban, đơn vị trực thuộc; các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Bà Nguyễn Thị Hoàng– PCT-UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã: Trại An, Phú Lý, Bàu Hàm, Thống Nhất, Thanh Sơn, La Ngà, Định Quán, Xuân Bắc;
- Báo và PT, TH Đồng Nai;
- Đảng ủy, UBND các xã vùng đệm Khu Bảo tồn;
- Các nhà đầu tư xin thuê môi trường rừng, cơ quan, công ty du lịch trên địa bàn trong và ngoài tỉnh;
- Đảng ủy, các chi bộ trực thuộc Khu Bảo tồn;
- Ban Giám đốc KBT;
- Ban chỉ đạo Đề án du lịch;
- Các đơn vị trực thuộc Khu Bảo tồn;
- Lưu VT, TTCKĐ.

F/2026/deandulich

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Hảo

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
KHU BẢO TỒN
THIÊN NHIÊN – VĂN HÓA ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Hồ sơ kỹ thuật lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KBT ngày / /2026 của Khu Bảo tồn)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích

Làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng tại Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Khu Bảo tồn) có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn, tài chính để thực hiện dự án đầu tư thuê môi trường rừng theo đúng Phương án quản lý rừng bền vững và Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án du lịch) đã được phê duyệt.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Các thành viên Hội đồng đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng do Khu Bảo tồn thành lập; nhà đầu tư xin thuê môi trường rừng của Khu Bảo tồn và cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xét chọn nhà đầu tư

1. Công khai, minh bạch, công bằng, đúng pháp luật.
2. Đối với trường hợp một địa điểm cho thuê môi trường rừng chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng.
3. Đối với trường hợp một địa điểm thuê môi trường rừng có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có điểm số đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm

không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng.

4. Trường hợp hai nhà đầu tư cùng có số điểm đánh giá các tiêu chí ngang nhau, thì nhà đầu tư được công nhận cho thuê môi trường rừng trong trường hợp tham gia đấu giá là nhà đầu tư có phiếu trả giá thuê môi trường rừng cao nhất.

Phiếu trả giá thuê môi trường rừng do Hội đồng đấu giá lập, phát hành.

Chương II

HỒ SƠ KỸ THUẬT VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN, CÔNG NHẬN NHÀ ĐẦU TƯ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Điều 4. Hồ sơ xin thuê môi trường rừng nộp cho Chủ rừng gồm có

1. Dự án du lịch sinh thái của tổ chức, cá nhân lập theo đúng Phương án quản lý rừng bền vững và Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030 đồng thời kèm theo các điều kiện sau:

a) Điều kiện về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:

- Có giấy đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh du lịch, lữ hành (tour), nông lâm nghiệp.

- Có tài liệu thể hiện rõ bộ máy nhân lực để quản lý, vận hành dự án thuê môi trường rừng (chuyên gia, kỹ sư, kiến trúc sư, kế toán, công nhân...) của nhà đầu tư.

- Có các tài liệu chứng minh đủ năng lực vốn để chi trả tiền thuê môi trường rừng tối thiểu tại điểm thuê môi trường rừng doanh nghiệp đăng ký trong 10 năm liên tiếp.

- Có Báo cáo cáo tài chính gần nhất. Chứng minh có doanh thu từ hoạt động du lịch.

- Đối với trường hợp là cá nhân muốn thuê môi trường rừng phải có đủ tư cách pháp nhân, liên kết hoặc thành lập tổ chức hợp tác xã.

b) Có báo cáo thuyết minh phương án sơ bộ tổ chức kinh doanh phù hợp với Đề án điều chỉnh, bổ sung Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó báo cáo cần lưu ý thêm:

- Có giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Có giải pháp sử dụng nguồn lao động địa phương; phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa;

- Có tài liệu chứng minh đã từng nộp hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng tại

Khu bảo tồn và hồ sơ được đánh giá đạt yêu cầu.

- Loại hình du lịch và sản phẩm du lịch phù hợp với Đề án được duyệt.

- Có sơ bộ bản vẽ không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật kết nối các điểm du lịch trong đó thể hiện rõ vị trí khu vực dự kiến, địa điểm, quy mô, tỷ lệ xây dựng công trình phù hợp với Đề án du lịch được duyệt. Chi tiết vị trí chính xác sẽ được thể hiện tại dự án đầu tư.

- Có báo cáo bằng ảnh chụp chứng minh đã đi khảo sát thực tế, hiểu rõ hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực (xác định vị trí bằng hình ảnh hiện trường có mốc thời gian và tọa độ). Có hồ sơ đã từng thuê tư vấn đi đo hiện trạng rừng để khảo sát thuê môi trường rừng. Cam kết bằng văn bản nếu được lựa chọn thuê môi trường rừng thì phải tổ chức đánh giá hiện trạng rừng trước khi ký hợp đồng thuê môi trường rừng.

c) Có phương án đầu tư tài chính trong đó thể hiện rõ dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng.

d) Có phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng.

e) Có cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu.

f) Các điều kiện khác về quản lý rừng bền vững

- Có cam kết thỏa thuận với hộ gia đình, cá nhân có đất nhận khoán trên trên diện tích xin thuê môi trường rừng.

- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Khu Bảo tồn.

- Ưu tiên doanh nghiệp đã có thỏa thuận với các hộ gia đình đang có đất nhận khoán trên lâm phần Khu Bảo tồn (tại các địa điểm cho thuê môi trường rừng) và thực hiện đúng nội dung hợp đồng khoán đã ký với Khu Bảo tồn.

- Các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững do chủ rừng quyết định.

Điều 5. Hồ sơ kỹ thuật xét chọn nhà đầu tư thuê môi trường rừng

Các tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật được quy ra số điểm để làm căn cứ đánh giá, lựa chọn với quy định điểm tối thiểu đủ điều kiện đạt của từng tiêu chí; tổng số điểm các tiêu chí đánh giá của hồ sơ kỹ thuật tối đa là 100 điểm, tối thiểu đạt là 75 điểm, trong đó quy định tổng điểm tối thiểu đủ điều kiện; tổ chức, cá nhân đủ điều kiện khi đạt được điểm tối thiểu của các tiêu chí và tổng điểm tối thiểu đủ điều kiện. Bảng tiêu chí và thang điểm cụ thể như sau:

Stt	Tiêu chí cụ thể đánh giá và xét chọn theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
I	Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	30		23
1	Có đơn đăng ký tham gia thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu Bảo tồn, bao gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp đăng ký tham dự, địa chỉ doanh nghiệp, điểm du lịch cần đăng ký.	5	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký tham gia thể hiện đầy đủ theo yêu cầu: 5 điểm. - Đơn đăng ký tham gia thiếu 1 trong 3 tiêu chí: 4 điểm. - Không có đơn đăng ký: 0 điểm 	
2	Có giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, trong đó có ngành nghề kinh doanh du lịch, lữ hành (tour), nông lâm nghiệp. <i>Lưu ý: Nhà thầu cung cấp bản sao y chứng thực.</i>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu đầy đủ: 5 điểm. - Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu nhưng chưa đầy đủ: 4 điểm. - Không cung cấp hoặc cung cấp không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. 	
3	Doanh nghiệp đã từng thuê môi trường rừng và đã triển khai các hoạt động liên quan đến dự án môi trường rừng (lập dự án, thiết kế, phê duyệt dự án,...) có phát sinh doanh thu. <i>Lưu ý: Nhà thầu cung cấp bản sao y chứng thực hợp đồng và hóa đơn tài chính để chứng minh.</i>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu đầy đủ: 5 điểm. - Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu nhưng chưa đầy đủ: 3 điểm. - Không cung cấp được yêu cầu: 0 điểm. 	
4	Có tài liệu thể hiện rõ bộ máy nhân lực để quản lý, vận hành dự án thuê môi trường rừng (Chuyên gia lĩnh vực du lịch hoặc nông lâm nghiệp hoặc các lĩnh vực khác có liên quan). <i>Lưu ý: Nhà thầu kê khai nhân lực thuộc biên chế của nhà</i>	5	<ul style="list-style-type: none"> - Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu đầy đủ: 5 điểm. - Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu nhưng chưa đầy đủ: 4 điểm. 	

	<i>thầu hoặc đi thuê.</i>		- Không cung cấp hoặc cung cấp không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
5	Có các tài liệu chứng minh đủ năng lực vốn để chi trả tiền thuê môi trường rừng tối thiểu tại điểm thuê môi trường rừng doanh nghiệp đăng ký tại mục III trong 10 năm liên tiếp.	5	- Có tài liệu chứng minh, đáp ứng yêu cầu đầy đủ: 5 điểm. - Có tài liệu chứng minh, nhưng đầy đủ yêu cầu: 4 điểm - Không có tài liệu chứng minh: 0 điểm.	
6	Có Báo cáo cáo tài chính gần nhất (năm liền kề) chứng minh có phát sinh doanh thu từ hoạt động du lịch. <i>Lưu ý: Nhà thầu cung cấp Báo cáo tài chính năm liền kề đã qua kiểm toán hoặc báo cáo tài chính đã được nộp qua cổng thông tin https://thuedientu.gdt.gov.vn</i>	5	- Có cung cấp, đáp ứng yêu cầu: 5 điểm. - Có cung cấp nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu: 4 điểm - Không cung cấp được yêu cầu: 0 điểm.	
II	Phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt	40		30
1	Có báo cáo thuyết minh phương án sơ bộ tổ chức kinh doanh phù hợp với Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó báo cáo cần lưu ý thêm: - Có giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Có giải pháp sử dụng nguồn lao động địa phương; phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa. - Có tài liệu chứng minh đã từng nộp hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng tại Khu Bảo tồn và hồ sơ được đánh giá đạt yêu cầu.	20	- Có thuyết minh đầy đủ 04 tiêu chí kế bên và có giải pháp, phương án khả thi, phù hợp và có tài liệu chứng minh đã từng nộp hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng tại Khu Bảo tồn và hồ sơ được đánh giá đạt yêu cầu đạt 100% số điểm tối đa: 20 điểm - Có thuyết minh đầy đủ 04 tiêu chí kế bên và giải pháp, phương án tương đối phù hợp: 80% số điểm tối đa: 16 điểm - Có thuyết minh và giải pháp, phương án tương đối phù hợp trong đó thiếu 1 trong 4 tiêu chí kế bên: 50% số điểm tối	

	- Loại hình du lịch và sản phẩm du lịch phù hợp với Đề án được duyệt.		<p>đa: 10 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh và giải pháp, phương án tương đối phù hợp trong đó thiếu từ 2 trong 4 tiêu chí kể bên: 5 điểm. - Không thuyết minh và giải pháp, phương án: 0 điểm 	
2	Có sơ bộ bản vẽ không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật kết nối các điểm du lịch trong đó thể hiện rõ vị trí khu vực dự kiến, địa điểm, quy mô, tỷ lệ xây dựng công trình phù hợp với Đề án du lịch được duyệt (<i>Chi tiết vị trí chính xác sẽ được thể hiện tại dự án đầu tư</i>).	10	<ul style="list-style-type: none"> - Có bản vẽ sơ bộ thể hiện rõ chi tiết: 10 điểm. - Có bản vẽ nhưng chưa thể hiện rõ chi tiết: 8 điểm. - Không có bản vẽ: 0 điểm. 	
3	Có báo cáo bằng ảnh chụp chứng minh đã đi khảo sát thực tế, ưu tiên đơn vị đã từng thuê tư vấn đi đo hiện trạng rừng để khảo sát thuê môi trường rừng, hiểu rõ hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực (xác định vị trí bằng hình ảnh hiện trường có mốc thời gian và tọa độ). Cam kết bằng văn bản nếu được lựa chọn thuê môi trường rừng thì phải tổ chức đánh giá hiện trạng rừng trước khi ký hợp đồng thuê môi trường rừng. Ưu tiên các đơn vị có hồ sơ xin thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo Đề án du lịch đạt yêu cầu.	10	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ hiểu biết về hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực thuê môi trường rừng, có hồ sơ đã từng thuê tư vấn đi đo hiện trạng rừng để khảo sát thuê môi trường rừng, có cam kết đáp ứng: 100% số điểm tối đa: 10 điểm - Trình bày tương đối đầy đủ hiểu biết đúng hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực thuê môi trường rừng, có cam kết đáp ứng: 80% số điểm tối đa: 8 điểm. - Trình bày còn thiếu sót về hiểu biết hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực thuê môi trường rừng, có cam kết đáp ứng: 50% số điểm tối đa: 5 điểm - Trình bày thiếu sót nhiều về hiểu biết 	

			hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực thuê môi trường rừng, không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng: 4 điểm. - Không trình bày được: 0 điểm	
III	Phương án đầu tư tài chính; dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng	10		7
1	Có phương án đầu tư tài chính trong đó thể hiện rõ nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng. Trong đó có cam kết chi phí thuê môi trường rừng tối thiểu nộp cho chủ rừng sau 24 tháng (thời gian tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng) kể từ ngày ký hợp đồng thuê môi trường rừng.	5	- Có phương án thể hiện rõ nguồn thu và giá thuê môi trường rừng, có cam kết đáp ứng: 100% số điểm tối đa: 5 điểm - Có phương án thể hiện tương đối rõ về nguồn thu và giá thuê môi trường rừng, có cam kết đáp ứng: 50% số điểm tối đa: 2.5 điểm - Có phương án thể hiện chưa rõ về nguồn thu và giá thuê môi trường rừng, có cam kết đáp ứng hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng hoặc thiếu cam kết: 0 điểm.	
2	Có cam kết giá thuê môi trường rừng theo đúng quy định.	5	- Có cam kết đáp ứng: 5 điểm. - Có cam kết đáp ứng nhưng chưa đạt yêu cầu: 4.5 điểm. - Không có cam kết: 0 điểm.	
IV	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng	5		4
1	Có phương án xử lý tài sản (bao gồm cả tài sản cố định và công cụ dụng cụ) sau khi kết thúc hợp đồng.	3	- Có phương án khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành: 100% số điểm tối đa: 3 điểm - Có phương án chưa khả thi, phù hợp	

			với quy định của pháp luật: 50% số điểm tối đa: 2 điểm - Có phương án không khả thi, chưa phù hợp với quy định của pháp luật: 0 điểm.	
2	Hồ sơ chứng minh doanh nghiệp đã từng tổ chức hoặc thuê thi công nhà lắp ghép hoặc nhà gỗ có tuổi thọ ngắn hơn thời gian thuê môi trường rừng (30 năm) <i>Lưu ý: Nhà thầu cung cấp bản sao y chứng thực hợp đồng thuê thi công nhà lắp ghép (niên hạn sử dụng sẽ căn cứ theo quy định của pháp luật về Xây dựng).</i>	2	- Có hợp đồng đáp ứng: 2 điểm. - Có hợp đồng nhưng không đáp ứng: 2 điểm - Không có hợp đồng: 0 điểm.	
V	Cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu	5		4
1	Có kế hoạch, lộ trình tổng thể thực hiện dự án, kèm theo cam kết thể hiện cụ thể thời gian thực hiện dự án, thời gian dự kiến khai thác, thời gian dự kiến phát sinh doanh thu. Chú ý các hạng mục đầu tư kết hợp giữa du lịch và giải pháp lâm sinh, đặt mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng lên hàng đầu, du lịch được lồng ghép để gia tăng nguồn thu.	5	- Có trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu, kế hoạch khả thi, thời gian triển khai và phát sinh doanh thu sớm, có cam kết đáp ứng: 100% số điểm tối đa: 5 điểm - Có trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu, kế hoạch tương đối khả thi, thời gian triển khai và phát sinh doanh thu sớm, có cam kết đáp ứng: 70% số điểm tối đa: 3.5 điểm - Có trình bày đầy đủ các nội dung yêu cầu, kế hoạch tương đối khả thi, thời gian triển khai và phát sinh doanh thu chậm, có cam kết đáp ứng: 50% số điểm tối đa: 2.5 điểm - Trình bày thiếu sót các nội dung yêu cầu, kế hoạch chưa khả thi, thời gian	

			triển khai và phát sinh doanh thu chậm, có cam kết đáp ứng hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng hoặc thiếu cam kết: 1.5 điểm. - Không trình bày: 0 điểm	
VI	Các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững	10		7
1	Có giải pháp để không tạo ra xung đột về lợi ích với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nhận khoán bảo vệ rừng trên diện tích xin thuê môi trường rừng.	4	- Có giải pháp khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật, hài hòa lợi ích các bên: 100% số điểm tối đa: 4 điểm - Có giải pháp tương đối khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật, hài hòa lợi ích các bên: 50% số điểm tối đa: 2 điểm. - Có giải pháp không khả thi, chưa phù hợp với quy định của pháp luật, chưa hài hòa lợi ích các bên: 1 điểm - Không có giải pháp: 0 điểm	
2	Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Khu Bảo tồn.	2	- Có cam kết đáp ứng: 2 điểm. - Có cam kết nhưng không đáp ứng: 1 điểm - Không có cam kết: 0 điểm.	
3	Ưu tiên các hộ gia đình đang có đất nhận khoán trên lâm phần Khu Bảo tồn (tại các địa điểm qui hoạch cho thuê môi trường rừng) và thực hiện đúng nội dung hợp đồng khoán đã ký với Khu Bảo tồn.	4		
	TỔNG ĐIỂM	100		75